TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **24**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử sự án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về Yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chị Trần Thị L, sinh năm 1993; CCCD số 037193012xxx

Địa chỉ: Xóm X, La T, xã An Kh, thành phố Hà Nội. (Trước đây là Xóm X, La T, xã Đông La, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội).

Anh Trần Văn K, sinh năm 1990; CCCD số 035090010xxx

Địa chỉ: Xóm X, La T, xã An Kh, thành phố Hà Nội. (Trước đây là Xóm X, La T, xã Đông La, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K kết hôn ngày 11/09/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung S, thành phố Tam Đ, tỉnh N. Quá trình sinh sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều xung đột trong sinh hoạt vợ chồng (về tình cảm, về kinh tế và không còn tôn trọng nhau...) vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đó quản lý.... Chị L và anh K đều xác định trong cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K xác định có hai con chung là Trần Thị Gia H, sinh ngày 18/4/2016, cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn anh K và Chị L thỏa thuận Chị L nuôi cháu H, cháu Quỳnh A cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2 năm 2026 cho đến khi cháu H, cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có

4. Về lệ phí: Chị Trần Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K xác định có hai con chung là Trần Thị Gia H, sinh ngày 18/4/2016, cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn anh K và Chị L thỏa thuận Chị L nuôi cháu H, cháu Quỳnh A cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2 năm 2026 cho đến khi cháu H, cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có

2. Về lệ phí tòa án: Chị Trần Thị L tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000330 ngày 07/01/2026. Chị L còn phải nộp 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 8 – Hà Nội
- UBND phường Trung S, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH 07, ngày 11/9/2015 của UBND phường Trung Sơn, thành phố Tam Đ, tỉnh N cũ)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Xuân Tuân